

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang về việc thực hiện Nghị Quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 112/TTr- SKHCN ngày 29 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KH&CĐS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Ngọc Hà

CHIẾN LƯỢC
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Cơ sở Chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Căn cứ pháp lý

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn

Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị;

Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và Kế hoạch triển khai nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

Văn bản số 5199/BKHCN-CĐSQG ngày 30/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn giải pháp xây dựng và hợp nhất hạ tầng thông tin, hạ tầng số tại các địa phương;

Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển Chính quyền số toàn diện, an toàn, hiệu quả và có trọng tâm, trọng điểm

Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang được phát triển tổng thể, bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước diễn ra an toàn, linh hoạt và hiệu quả trong môi trường số; tuân thủ đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chiến lược, chương trình quốc gia về chuyển đổi số. Mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, ra quyết định nhanh, sử dụng hiệu quả nguồn lực, góp phần kiến tạo phát triển và dẫn dắt chuyển đổi số của tỉnh. Việc triển khai được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, phát huy kết quả đã đạt được, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, với các giải pháp đột phá, sáng tạo để hoàn thành mục tiêu phát triển Chính quyền số giai đoạn 2025-2030.

2. Thực hiện định hướng mở, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ

Phát triển Chính quyền số phải bảo đảm tính công khai, minh bạch và định hướng mở, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham

gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước; tăng cường tương tác, hợp tác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công; cùng chia sẻ dữ liệu, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

3. Xác định dữ liệu là tài nguyên mới, là nền tảng cho quản trị và ra quyết định

Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thu thập, quản lý, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các cơ quan, đơn vị. Mô hình tổ chức, quy trình làm việc được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Người dân chỉ phải khai báo, cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công thiết yếu, góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả phục vụ và chất lượng dịch vụ công.

4. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá trong xây dựng Chính quyền số

Phát triển, triển khai các nền tảng số phải kết hợp hài hòa giữa mô hình tập trung và phân tán; tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, Khung Kiến trúc số cấp tỉnh và mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả, hướng tới quản trị dựa trên dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị. Các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số được phát triển theo hướng đồng bộ, thông suốt giữa các cấp hành chính, bảo đảm người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ ở mọi nơi, mọi lúc. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia cần được triển khai trước, thực hiện tốt, tập trung nguồn lực, tránh chồng chéo và phân tán.

5. Phát triển hạ tầng số bảo đảm tính mở, khả năng mở rộng, thích ứng công nghệ mới

Hạ tầng thông tin, hạ tầng số phải được quy hoạch tập trung, đồng bộ, tránh phân tán, trùng lặp, chồng chéo đầu tư giữa các sở, ngành và đơn vị trực thuộc. Ưu tiên tuyệt đối khai thác, sử dụng hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (như Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Nền tảng điện toán đám mây quốc gia, Mạng truyền số liệu chuyên dùng...) và Trung tâm dữ liệu tập trung cấp tỉnh. Thúc đẩy áp dụng điện toán đám mây theo hướng Cloud First/Cloud Native, kết hợp tiêu chuẩn mở và kiến trúc mô-đun hiện đại để bảo đảm khả năng mở rộng linh hoạt, tiết kiệm chi phí và dễ dàng tích hợp, thay thế.

III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả và bền vững. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; thực hiện đột phá về xây dựng hạ tầng số hiện đại; phát triển toàn diện nguồn nhân lực số chất lượng cao, trình độ cao, đáp ứng yêu cầu thực tế. Chính quyền số tinh hoạt động hoàn toàn trên môi trường số, được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

để thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, với chất lượng, minh bạch và hiệu quả cao. Kinh tế số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GRDP của tỉnh; xã hội số được hình thành rộng khắp, người dân làm chủ công nghệ, tích cực tham gia vào quá trình đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Hệ sinh thái số của tỉnh phát triển đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng, hạ tầng số làm trọng tâm, nhân lực số làm then chốt, hướng tới mục tiêu xây dựng Tuyên Quang trở thành “tỉnh thông minh, chính quyền kiến tạo, xã hội kết nối, công dân số toàn diện”.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và triển khai đồng bộ kiến trúc hệ thống, nền tảng dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt bảo đảm đồng bộ, thống nhất toàn hệ thống chính trị, thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Phân đầu 100% hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), nền tảng dùng chung cùng với cơ sở dữ liệu (CSDL) của tỉnh được rà soát, đánh giá, tiếp tục xây dựng, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện theo tiêu chuẩn chung, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, khả năng liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thiết thực của người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đột phá trong cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị công.

- Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Tập trung xây dựng, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành thông minh phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phổ cập kỹ năng số, phát huy tiềm năng sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

Chi tiết các mục tiêu cụ thể và phân công cơ quan theo dõi, chủ trì thực hiện tại **Phụ lục I** kèm theo.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế số

- Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Tuyên Quang; các Tổ công tác; điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên, Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo.

- Rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế về chuyển đổi số.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức số

- Đẩy mạnh công tác truyền thông sâu rộng về nội dung chuyển đổi số dưới nhiều hình thức: Thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp;...

- Ứng dụng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số”. Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” thường xuyên, liên tục cho mọi đối tượng, bằng nhiều hình thức khác nhau trong phạm vi toàn tỉnh để phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng công nghệ số cho Nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển Hạ tầng số

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số của tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu thực tế; đảm bảo kết nối, an toàn, bền vững, ưu tiên tập trung vào các nội dung sau:

3.1. Hạ tầng viễn thông và Internet

- Đầu tư tăng cường vùng phủ sóng 4G đáp ứng cho trên 95% dân số; tăng cường đầu tư hạ tầng phủ sóng 5G, 6G tại các khu vực tập trung đông dân cư và các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch; phổ cập điện thoại di động thông minh tại các khu tập trung đông dân cư, cơ quan, trường học, bệnh viện, đảm bảo kết nối, liên thông toàn tỉnh, đặc biệt khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các thôn lóm sóng hoặc trắng sóng điện thoại, điện lưới quốc gia.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới để hướng tới 100% thôn, tổ dân phố trong tỉnh có dịch vụ Internet cáp quang. Đầu tư công nghệ truyền tải cáp quang

mới XGSPON tốc độ lên đến 10Gb/s tại các khu vực có nhu cầu tốc độ cao.

- Triển khai nền tảng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) phục vụ công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3.2. Hạ tầng dữ liệu

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh cần được hợp nhất Trung tâm Dữ liệu quốc gia, phù hợp với Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung, đảm bảo đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã, phục vụ hiệu quả chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; ưu tiên sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

3.3. Hạ tầng vật lý

- Hợp nhất các Trung tâm dữ liệu nhỏ lẻ thành Trung tâm dữ liệu tập trung cấp tỉnh và hợp nhất vào Trung tâm Dữ liệu quốc gia đảm bảo phù hợp với Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị. Sử dụng Trung tâm Dữ liệu quốc gia hoặc thuê dịch vụ điện toán đám mây công cộng bảo đảm tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật, hiện đại, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành, phân tích dữ liệu và chia sẻ thông tin trong toàn tỉnh.

- Triển khai, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang sử dụng hạ tầng tập trung của tỉnh đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia để bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết nối liên thông, khai thác hiệu quả thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuân thủ Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang.

- Xây dựng, triển khai hệ thống camera giám sát; Được kết nối, chia sẻ, tích hợp về Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh.

3.4. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược, đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thực hiện lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho các hoạt động của chuyển đổi số của tỉnh, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

4. Phát triển Nền tảng số, Dữ liệu số

- Triển khai nền tảng số dùng chung, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Ưu tiên triển khai các nền tảng số thông minh, ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong các ngành, lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường,...

- Triển khai thực hiện và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành. Tạo dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; kết nối, khai thác và chia sẻ hiệu quả dữ liệu, gồm các ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Y tế; Giáo dục và Đào tạo,...

- Xây dựng, triển khai nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, địa phương trong tỉnh.

- Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu của các ngành, lĩnh vực qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang.

- Số hóa cơ sở dữ liệu tại các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống của tỉnh; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để cán bộ, công chức, người lao động, nhà khoa học, hội viên, doanh nghiệp và người dân khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo để xử lý công việc nhanh gọn, hiệu quả.

5. Phát triển Nguồn nhân lực

- Thường xuyên rà soát chính sách thu hút nguồn nhân lực của tỉnh, trong đó có nhân lực làm việc về chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các chuyên gia, nhà khoa học về làm việc tại tỉnh theo các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh có nhu cầu.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh; tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên trách chuyển đổi số các cấp trên địa bàn tỉnh về quản lý đầu tư công nghệ thông tin; kỹ năng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số; các chuyên đề về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kết nối internet vạn vật IoT; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để triển khai các dự án, hội thảo, tập huấn về kỹ năng số theo chuyên đề.

- Hằng năm bố trí kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước và nước ngoài. Hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

- Đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo tại các Trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của

thị trường. Tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

- Đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số của tỉnh.

6. Đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai các giải pháp giám sát, đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Tuyên Quang đảm bảo yêu cầu xử lý, ứng cứu các sự cố an ninh mạng ở mọi cấp độ; xây dựng, thành lập các Tổ ứng cứu sự cố chuyên trách; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng cứu sự cố, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác.

- Triển khai hệ thống liên lạc bảo mật Signet cho các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành.

- Ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến.

7. Phát triển Chính quyền số

- Thực hiện nghiêm quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan Nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; gắn trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm của tỉnh đáp ứng các yêu cầu thực tế. Phấn đấu đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước.

- Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Tích cực ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phi địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

- Đẩy mạnh hợp tác về chuyển đổi số với các Tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng số; dữ liệu số; các trụ cột: chính quyền số, kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực chuyển đổi số; an toàn thông tin;... Phát triển hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do Bộ, ngành trung ương, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức; tham gia các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

8. Phát triển Kinh tế số

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp theo đúng chủ trương, chính sách của Trung ương.

- Nghiên cứu áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp công nghệ số.

- Hướng dẫn, ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh để nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh. Triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

- Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

- Triển khai các giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số để khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia đánh giá trên Hệ thống của Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Phát triển Xã hội số

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm kết nối với Đề án 06. Thúc đẩy người dân sử dụng định danh điện tử (VNeID) để truy cập và sử dụng dịch vụ công, dịch vụ xã hội số.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động khám chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (*tư vấn khám chữa bệnh từ xa, hội chẩn trực tuyến, số sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử,...*). Tăng tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa, du lịch,... hình thành những công dân số, cộng đồng số và văn hóa số.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh (Ban Chỉ đạo)

Ban Chỉ đạo (theo Chức năng quy định tại Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh) có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, phối hợp thực hiện, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện Chiến lược này; kịp thời chỉ đạo các giải pháp để giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; đặc biệt là các giải pháp có tính chất liên ngành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả chiến lược này.

- Là đầu mối hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; chủ động phối hợp nắm bắt những khó khăn, vướng mắc đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn, giám sát các cơ quan, đơn vị khi triển khai đầu tư ứng dụng CNTT đảm bảo tuân thủ khung kiến trúc số tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với nhau theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các Trường và các tổ chức khoa học và công nghệ định hướng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh hàng năm triển khai các nhiệm vụ thực hiện mục tiêu chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh việc hình thành các mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, các Trường và các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất; xây dựng mối liên kết giữa nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và thương mại hóa sản phẩm. Tận dụng tối đa cơ hội và nguồn lực để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định về kết quả triển khai thực hiện Chiến lược này hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định liên quan về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, kế hoạch chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

4. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.
- Đưa nội dung đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.
- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

- Chủ trì, chịu trách nhiệm chính về các nhiệm vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Chủ trì triển khai vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) tỉnh.
- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành trong việc kết nối, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.
- Là đầu mối phối hợp với Bộ Công an, điều phối thống nhất hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không trùng lặp và tuân thủ đúng quy định pháp luật.
- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Công an, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Tủ điện dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6. Ngân hàng Nhà nước tỉnh chi nhánh Khu vực 4 (địa bàn tỉnh Tuyên Quang)

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nội dung thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

7. Thuế tỉnh Tuyên Quang

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số.

8. Thống kê tỉnh Tuyên Quang

Đo lường các chỉ tiêu về kinh tế số theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

9. Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang; Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Thông tin và Công báo)

- Tuyên truyền, phổ biến các nội dung Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính

trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các nội dung Chiến lược này.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tuyên truyền chuyển đổi số trên ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

10. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Chiến lược này, hằng năm (trước ngày 30/9 năm trước, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cho năm sau) xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 63/KH- UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nội dung của Chiến lược này; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo... Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do các Bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương.

- Thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước các cấp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ... để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Khuyến khích việc huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua việc đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để triển khai các dự án thí điểm tại cơ sở, các hình thức hợp tác khác theo quy định, từ quỹ phát triển sự nghiệp...

- Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh và triển khai các nội dung để thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn quản lý. Hằng năm, cân đối, bố trí tối thiểu 1% tổng chi ngân sách của cấp xã (nằm trong tổng chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/tổng chi ngân sách > 3% theo chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh) để triển khai các ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

11. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Hội doanh nhân trẻ tỉnh

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

12. Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực CNTT, công nghệ số, chuyển đổi số.

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các giải pháp ứng dụng công nghệ số trong chuyển đổi số các ngành lĩnh vực, sẵn sàng tham vấn, triển khai các giải pháp cho chuyển đổi số, là đơn vị tiên phong trong đào tạo chuyển đổi số của tỉnh.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CHIẾN LƯỢC
CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH TUYỀN QUANG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày / / của UBND tỉnh)

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Phát triển hạ tầng			
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn.	≥20%	99%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	≥60%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ phủ sóng viễn thông tại các thôn, tổ dân số trên địa bàn tỉnh.	96%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.	Có	Đáp ứng	Công an tỉnh
II	Phát triển nguồn lực			
6	Tỷ lệ chi tối thiểu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP (hàng năm)	2%	2-3%	Sở Tài chính
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	90%	100%	Sở Nội vụ
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%		Sở Nội vụ
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	Sở Nội vụ
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây Dựng; Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyền Quang
III	Phát triển chuyển đổi số			
11	Xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).		20/34	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Quy mô kinh tế số trong GRDP.	12%	24%	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh
13	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	≥ 70%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
14	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
15	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	≥ 70%	100%	Văn phòng UBND tỉnh
16	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	≥ 70%	100%	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	$\geq 80\%$	100%	Văn phòng UBND tỉnh
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	Văn phòng UBND tỉnh
19	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	$\geq 40\%$	$\geq 70\%$	Văn phòng UBND tỉnh
20	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$	Văn phòng UBND tỉnh
21	Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	$\geq 60\%$	$\geq 85\%$	Các sở, ban, ngành
22	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	$\geq 30\%$	$\geq 60\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$	Công an tỉnh
24	Tỷ lệ người dân có chữ ký số.		$\geq 10\%$	Sở Khoa học và Công nghệ
25	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt.		$\geq 70\%$	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 4
26	Chỉ số phát triển con người (HDI)		$\geq 0,7$	Thống kê tỉnh
27	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	$\geq 90\%$	Các đảng ủy, chính quyền xã, phường

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tổng số: 72 nhiệm vụ.

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ (08 nhiệm vụ)					
1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Tuyên Quang; thành lập các tổ công tác; ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên, Chương trình công tác năm của Ban Chỉ đạo <i>(kịp thời điều chỉnh, bổ sung khi có thay đổi)</i> .	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Quyết định thành lập/kiện toàn	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	Triển khai xây dựng Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	Bộ Chỉ số	Theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
3	Xây dựng và triển khai Chương trình hành động của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và Xã hội số, giai đoạn 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương; cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Chương trình; Văn bản triển khai	

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
4	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Kiến toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức, cá nhân liên quan	Năm 2025-2026	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Rà soát, sửa đổi và triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; địa phương	Năm 2025-2026	Quyết định; kỳ đánh giá hàng năm	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
7	Rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế về chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
8	Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
II	NÂNG CAO NHẬN THỨC SỐ (07 nhiệm vụ)					
1	Xây dựng chương trình/chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	Chương trình/chuyên mục	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	Ban hành và triển khai phổ biến thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
4	Triển khai kế hoạch thực hiện phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số”. Triển khai phong trào “ <i>Bình dân học vụ</i> số” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; doanh nghiệp; cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân	Thường xuyên	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Ứng dụng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Tổ chức các hội nghị tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
7	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT tỉnh, trang TTĐT của sở, ngành, địa phương	Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ (12 nhiệm vụ) , <i>Gồm: Hạ tầng viễn thông và Internet; Hạ tầng dữ liệu; Hạ tầng vật lý; Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ theo Kế hoạch Phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 - 2030</i>					
1	Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược, đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thực hiện lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
2	Thực hiện Hợp nhất hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh vào Trung tâm Dữ liệu quốc gia và triển khai các nền tảng số trên nền tảng điện toán đám mây; xây dựng Cổng dữ liệu mở và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh. Đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu. Triển khai nền tảng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Các hệ thống	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Duy trì và hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang (IOC)	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hệ thống	Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 04/9/2025 của UBND tỉnh
4	Xây dựng Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, triển khai hệ thống camera giám sát; Được kết nối, chia sẻ, tích hợp về Trung tâm điều hành điều hành thông minh của tỉnh (IOC).	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Đề án/Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
5	Rà soát và đề xuất chủ trương đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Hệ thống	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững: - Đầu tư tăng cường, mở rộng vùng phủ sóng 4G đáp ứng cho trên 95% dân số; tăng cường đầu tư hạ tầng phủ sóng 5G, 6G tại các khu vực tập trung đông dân cư và các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch; đầu tư công nghệ truyền tải cáp quang mới XGSPON tốc độ lên đến 10Gb/s tại các khu vực có nhu cầu tốc độ cao. - Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới để hướng tới các thôn, tổ dân phố trong tỉnh có dịch vụ Internet cáp quang. - Phổ cập điện thoại di động thông minh tại các khu tập trung đông dân cư, cơ quan, trường học, bệnh viện, đảm bảo kết nối, liên thông toàn tỉnh, đặc biệt khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các thôn lǎm sóng hoặc trắng sóng điện thoại, điện lưới quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai; báo cáo	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
7	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; kết nối, khai thác và chia sẻ hiệu quả dữ liệu, gồm các ngành: Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo.... Ưu tiên sử dụng các nền tảng số Quốc gia theo từng ngành.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
8	Xây dựng dữ liệu thuộc tính đất đai, bao gồm dữ liệu về: địa chính; điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thống kê, kiểm kê đất đai, dữ liệu khác liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan; Địa phương	Năm 2025-2030	Dữ liệu được xây dựng	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
9	Hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan	Hằng năm	Hệ thống Được kết nối	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
10	Phát triển hạ tầng số của Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật – Công nghệ Tuyên Quang; Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ Hà Giang để trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của tỉnh.	Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật – Công nghệ Tuyên Quang; Trường Cao đẳng Kỹ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
		thuật và Công nghệ Hà Giang				
11	Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Kế hoạch/Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
12	Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...; chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.	Các Sở, ban, ngành chủ trì theo lĩnh vực được giao	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
IV	PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG SỐ, DỮ LIỆU SỐ SỐ (06 nhiệm vụ)					
1	Triển khai nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số; định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương	Hàng năm	Kỳ đánh giá hàng năm	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
2	Triển khai nền tảng số dùng chung, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; địa phương	Năm 2026	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường của tỉnh. Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
4	Triển khai các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND tỉnh
5	Xây dựng, thực hiện Dự án số hóa các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan; địa phương	Năm 2025-2026	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
6	Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả triển khai	Theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ
V	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ (07 nhiệm vụ)					
1	Rà soát, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực của tỉnh (bao gồm nhân lực chuyển đổi số, an toàn – an ninh mạng, chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ); Kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chính sách khi Trung ương có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	Xác định nhu cầu, lĩnh vực chuyên môn, ngành nghề cần thu hút nhân lực chất lượng cao (<i>đặc biệt trong đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số</i>); tham mưu thu hút, kết nối đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu trong và ngoài tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2025 - 2030	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, trong đó có đội	Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công	Năm 2025 và hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	ngũ cán bộ quản lý và cán bộ tham mưu về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang. Hằng năm lập dự toán và đề xuất kinh phí cho cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ tham mưu chuyển đổi số đi học tập, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước và nước ngoài.		nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan			10/9/2025 của UBND tỉnh
4	Đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM. Kết nối các ý tưởng của học sinh, sinh viên, học viên của các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh với các nhà khoa học và doanh nghiệp để hiện thực hóa các ý tưởng, sáng tạo kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo tại các Trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.	Trường Đại học Tân Trào; Trường Cao đẳng nghề, Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang; Trường Cao đẳng Kỹ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
		thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang.				
6	Tổ chức tôn vinh, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh (<i>chương trình là hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 hằng năm</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan	Hằng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Năm 2026-2030	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
VI	ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN (06 nhiệm vụ)					
1	Triển khai các giải pháp giám sát, đảm bảo an toàn thông tin 4 lớp cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; các Quyết định	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	Xây dựng Trung tâm an ninh mạng tỉnh Tuyên Quang đảm bảo yêu cầu xử lý, ứng cứu các sự cố an ninh mạng ở mọi cấp độ; xây dựng, thành lập các Tổ ứng cứu sự cố chuyên trách.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; các	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
					Quyết định	của UBND tỉnh
3	Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng cứu sự cố, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; các Quyết định	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
4	Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến.	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Triển khai cài đặt hệ thống liên lạc bảo mật Signet cho các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan; Địa phương	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; Kế hoạch	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
VII	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ (13 nhiệm vụ)					
1	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư cho lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trọng tâm của tỉnh theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật hiện hành.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo lộ trình đề ra	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	- Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số đã đề ra theo kế hoạch; ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số giải quyết vấn đề cấp thiết trong các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội. - Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; kết hợp, sử dụng hiệu quả giữa ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn lực huy động xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược Chuyển đổi số; các Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang theo từng năm và theo giai đoạn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; Địa phương	Hàng năm	Kế hoạch của UBND tỉnh	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
4	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Xây dựng và triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan; địa phương	Năm 2026	Hệ thống	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
7	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan; Địa phương	Hằng năm	Kế hoạch	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
8	Ứng dụng công nghệ số để tự động hoá quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	doanh nghiệp công nghệ tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực					10/9/2025 của UBND tỉnh
9	Triển khai Đề án đại lý dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	Văn bản triển khai	Theo hướng dẫn của Bộ Công an
10	Xây dựng và triển khai Đề án Chuyển đổi số, y tế số thông minh giai đoạn 2025-2030 của ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
11	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm: <i>(1) Định danh địa điểm.</i> <i>(2) Xây dựng sàn giao dịch việc làm quốc gia; nền tảng hợp đồng lao động điện tử.</i> <i>(3) Xây dựng sàn giao dịch bất động sản.</i> <i>(4) Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng.</i> <i>(5) Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo.</i> <i>(6) Mô hình du lịch thông minh.</i>	Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Ngân hàng Nhà nước khu vực 4; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Thuế tỉnh Tuyên Quang	Công an tỉnh	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	(7) <i>Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ;</i> (8) <i>Phát triển kinh tế ban đêm.</i>					
12	Đẩy mạnh hợp tác về chuyển đổi số với các Tập đoàn công nghệ trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng số; dữ liệu số; các trụ cột: chính quyền số, kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực chuyển đổi số; an toàn thông tin;...	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Các thỏa thuận hợp tác; văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
13	Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn về chuyển đổi số; tham gia các diễn đàn, hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số do Bộ, ngành trung ương, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức.	Các cơ quan, đơn vị; Địa phương	Các tổ chức, cá nhân, địa phương có liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
VIII	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ (07 nhiệm vụ)					
1	Thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, hỗ trợ khuyến khích phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học công nghệ; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
2	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia đánh giá trên Hệ thống của Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
3	Nghiên cứu, áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2027	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
4	Chi hỗ trợ nguồn kinh phí khuyến công ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong hệ thống doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các cấp và các cơ quan có liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Hướng dẫn, ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh để nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số phục vụ phát triển sản xuất-kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
6	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
7	Đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...	Các sở, ban, ngành	Tổ chức, cá nhân liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
IX	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ (06 nhiệm vụ)					
1	Triển khai các giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số để khuyến khích đổi mới, sáng tạo; đẩy mạnh chuyển đổi nhận thức và chuyển đổi số, hình thành những công dân số, cộng đồng số và văn hóa số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
2	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các trường học	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
3	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động khám chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (<i>tư vấn khám chữa bệnh từ xa, hội chẩn trực tuyến, số sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử,...</i>)	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan; các cơ sở y tế	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
4	Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.	Công an tỉnh	Các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
5	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số để phát triển, hình thành công dân số nhằm ứng dụng các dịch vụ, tiện ích số do Chính phủ, bộ, ngành xác thực và đảm bảo	Công an tỉnh	Các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Văn bản triển khai; Kế hoạch	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh
6	Phát triển văn hoá số cộng đồng bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản triển khai	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh